

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2019/DS-ST

Ngày: 19/6/2019

V/v “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Từ ngày 12 đến ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2018/DSST ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc: “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng.” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXX-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Trụ sở: Số 130 đường Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Võ Minh Tuấn- Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Thu T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 155 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo Văn bản ủy quyền số: 1147/QĐ-DAB-PC ngày 16/10/2018).

(Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

2. Bị đơn: Ông Thiệu Quang T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 24B đường số A, phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng Thái, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 100/2 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/9/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/6/2018; bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án, bà Hồ Thị Thu T- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày :

Ngày 25 tháng 9 năm 2013, ông Thiệu Quang T có làm giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi và ngày 26/9/2013, ông T và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là nguyên đơn) có ký hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 để vay số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 1.35%, lãi suất quá hạn 1.5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 26/9/2013 đến 26/9/2014, mục đích vay tiêu dùng, hình thức tín chấp, không có tài sản thế chấp bảo đảm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Thiệu Quang T (gọi tắt là bị đơn) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 26/9/2014 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn đối với hợp đồng vay số: 72/TC140/2013

Tính đến ngày 25/10/2018, bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản sau:

- Vốn: 800.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 112.399.120 đồng
- Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 25/10/2018 là 804.060.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bị đơn còn thiếu là 1.716.459.120 (*Một tỷ bảy trăm mười sáu triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn một trăm hai mươi*) đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay một lần tổng số nợ còn thiếu (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn, vốn) là 1.716.459.120 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/10/2018 cho đến ngày bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng vay số 72/TC140/2013.

- Tại phiên hòa giải ngày 25/4/2019, đại diện nguyên đơn yêu cầu: Tạm tính đến ngày 24/5/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.814.739.120 (*Một tỷ tám trăm mười bốn triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn một trăm hai mươi*) đồng, trong đó:

- Vốn: 800.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 112.399.120 đồng
- Lãi quá hạn là 902.340.000 đồng.

-Yêu cầu bị đơn trả một lần cho nguyên đơn. Tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 26/4/2019 trên số dư nợ gốc là 800.000.000 đồng cho đến khi bị đơn trả hết số nợ cho nguyên đơn theo quy định tại hợp đồng vay số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013.

2. Bị đơn – đại diện ông Nguyễn Hồng Thái trình bày:

Năm 2013, qua giới thiệu bị đơn được biết cổ phiếu của Ngân hàng Đ sắp lên sàn nên đã đồng ý mua 100.000 cổ phiếu từ một cổ đông của Ngân hàng Đ. Do không có tiền nên bị đơn có ký hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 với nguyên đơn và được nguyên đơn cho vay bằng hình thức thấu chi tài khoản thẻ và dùng số tiền vay này để trả cho việc mua 100.000 cổ phiếu trên . Sau đó, bị đơn dùng 100.000 cổ phiếu vừa mua được làm tài sản thế chấp cho việc vay thấu chi này việc cầm cố thế chấp thể hiện rõ trong hợp đồng.

Như vậy có đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã cho thế chấp, cầm cố 100.000 cổ phiếu của bị đơn, qua đó cấp tín dụng cho bị đơn vay thấu chi số tiền 800.000.000 đồng. Điều này vi phạm nghiêm trọng về những trường hợp không được cấp tín dụng nêu tại khoản 5 Điều 126 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 là “Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng hoặc Công ty con của Tổ chức tín dụng”

Từ các cơ sở và chứng cứ nói trên, áp dụng quy định tại Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015, tôi đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hợp đồng cho vay thấu chi số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 giữa nguyên đơn và bị đơn là giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, qua đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó không làm phát sinh lãi suất do hợp đồng vô hiệu nên về số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng đề nghị xử lý như sau : Cho phát mãi số cổ phiếu của bị đơn đang thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng Đ để cản trừ vào số tiền gốc như đã thỏa thuận hai bên trong hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ.

Ngày 02/10/2018, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện và yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 08/11/2018, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân quận Gò Vấp về việc vi phạm thời hạn tiếp nhận và xử lý đơn khởi kiện. Ngày 14/11/2018, Chánh án Tòa án nhân dân quận Gò Vấp ra quyết định số 62/2018/QĐ-TA trả lời không chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Tuy nhiên đại diện bị đơn chấp nhận việc giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân quận Gò Vấp và không khiếu nại lên Chánh án Tòa án thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05/11/2018 đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu thu thập chứng cứ về việc yêu cầu Ngân hàng Đ cung cấp các tài liệu liên quan đến việc giải ngân khoản vay thấu chi 800.000.000 đồng. Ngày 26/9/2013, Công ty chứng khoán Ngân hàng Đ cung cấp các tài liệu xác nhận giao dịch chuyển nhượng giữa cổ đông và ông T ngày 26/9/2013 và cung cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của ông T đối với 100.000 cổ phần của Ngân hàng Đ. Ngoài ra phía đại diện của bị đơn còn yêu cầu cần thiết xem xét triệu tập Công ty chứng khoán Ngân hàng Đ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã yêu cầu các cơ quan trên cung cấp chứng cứ và ngày 12/11/2018, Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 70/2018/QĐST-DS và ngày 14/3/2019, Tòa án ra quyết định số 24/2019/QĐST-DS về việc tiếp tục giải quyết vụ án.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông T tại địa chỉ số 24B đường số A, phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Công an phường 14 trả lời xác minh: “ Ông Thiệu Quang T, sinh năm 1980 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 24B đường số A, phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện đang cư ngụ tại địa chỉ trên”

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được việc giải quyết vụ án do đó Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Bà Hồ Thị Thu T là đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 24/5/2019 là 1.814.739.120 (*Một tỷ tám trăm mười bốn triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn một trăm hai mươi*) đồng, trong đó:

- Vốn: 800.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 112.399.120 đồng
- Lãi quá hạn là 902.340.000 đồng.

-Yêu cầu bị đơn trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 26/4/2019 trên số dư nợ gốc là 800.000.000 đồng cho đến khi bị đơn trả hết số nợ cho nguyên đơn theo quy định tại hợp đồng vay số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn :

- Thứ nhất là nếu còn thời hiệu thì bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hợp đồng cho vay thấu chi số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 giữa nguyên đơn và bị đơn là giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, qua đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 vì vậy không làm phát sinh lãi suất do hợp đồng vô hiệu nên về số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng đề nghị xử lý như sau : Cho phát mãi số cổ phiếu của bị đơn đang thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng Đ để cản trừ vào số tiền gốc như đã thỏa thuận hai bên trong hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ.

-Thứ hai là thời hạn khởi kiện của nguyên đơn đã hết do đó đề nghị Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung : Theo khoản 5 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì : “ Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng” . Việc Ngân hàng Đ thế chấp/ cầm cố 100.000 ngàn cổ phiếu của bị đơn qua đó cấp tín dụng cho bị đơn vay thấu chi số tiền 800.000.000 đồng là không đúng . Do đó hợp đồng thấu chi số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 vô hiệu một phần . Khoản vay thấu chi của ông T trở thành khoản vay không có tài sản đảm bảo.

-Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

-Về quan hệ pháp luật : Ngày 25/9/2013, ông Thiệu Quang T có làm giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi và đến ngày 26/9/2013, ông Thiệu Quang T và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có ký hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 để vay số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 1.35%, lãi suất quá hạn 1.5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 26/9/2013 đến 26/9/2014, mục đích vay tiêu dùng. Sau khi được nguyên đơn giải ngân vào tài khoản thẻ, bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc và lãi theo thỏa thuận và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng đã ký vì vậy, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án : Bị đơn ông Thiệu Quang T có nơi cư trú cuối cùng tại 24B đường số A, phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về tư cách người tham gia tố tụng : Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301442379 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/4/1992 và thay đổi lần thứ 39 ngày 11/9/2015 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; Quyết định ủy quyền số 277/QĐ-HĐQT-DAB ngày 31/12/2015 và Quyết định số 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016; Quyết định ủy quyền số 1147/QĐ-DAB-PC ngày 16/10/2018 và Quyết định số 1116/QĐ-DAB- QTNL ngày 04/10/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là hợp lệ và bà Hồ Thị Thu T có đủ tư cách đại diện cho nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án. Xét giấy ủy quyền số 11119 quyền số 07 ngày 10/7/2018 của Phòng công chứng quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là hợp lệ và ông Nguyễn Hồng Thái có đủ tư cách đại diện bị đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Về thời hiệu : Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện và yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vì vi phạm thời hiệu khởi kiện vụ án. Căn cứ vào hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 và đáo hạn ngày 26/9/2014 xác định thời điểm bị đơn vi phạm hợp đồng là ngày 26/9/2014. Ngày 16/6/2017, nguyên đơn có thông báo nhắc nợ gửi theo đường bưu điện cho bị đơn; Căn cứ đơn khởi kiện và hồ sơ của nguyên đơn gửi đường bưu điện báo phát ghi số ngày 11/9/2017 chuyển đến Tòa án ngày 14/9/2017. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “ Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ

ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Theo quy định trên thì thời điểm nguyên đơn biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm là vào thời điểm đáo hạn của hợp đồng mà bị đơn chưa hoàn tất nghĩa vụ thanh toán, cụ thể là ngày 26/9/2014 và tính đến ngày được ghi trên dấu bưu điện là ngày 11/9/2017, thì đơn khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn trong thời hiệu 03 năm. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn yêu cầu xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện ngày 02/10/2018 của bị đơn.

- Về yêu cầu của bị đơn về yêu cầu cần thiết triệu tập Công ty chứng khoán Ngân hàng Đ tham gia tố tụng với vai trò người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Xét thấy việc chuyển nhượng cổ phần 100.000 cổ phiếu giữa ông T và ông Nguyễn Huy Trường Hồng ngày 25/9/2013 có xác nhận của Công ty chứng khoán Ngân hàng Đ không liên quan đến hợp đồng tín dụng của ông T tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết mời Công ty chứng khoán Ngân hàng Đ tham gia tố tụng với vai trò người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

- Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Xét về hình thức và nội dung hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với ông Thiệu Quang T xuất phát từ sự tự nguyện không trái pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm ký kết. Tuy nhiên tại Điều 3 của hợp đồng quy định hình thức bảo đảm thấu chi được đánh vào ô “Thế chấp/ cầm cố 100.000 cổ phiếu ĐAB” mà đại diện nguyên đơn cho rằng đây là hình thức thấu chi tài khoản thẻ không có thế chấp, cầm cố tài sản đảm bảo vì căn cứ vào thời điểm ông T đề nghị cấp hạn mức thấu chi thì ông T đang sở hữu cổ phần của Ngân hàng Đ nên ngân hàng đánh dấu vào ô này để phù hợp với nội dung trong giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi của ông T và để phân biệt với nhóm khách hàng khác. Giữa nguyên đơn và bị đơn không ký kết một giao dịch đảm bảo nào về thế chấp, cầm cố tài sản cũng như không có biên bản giao nhận bản chính giấy chứng nhận sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 298 Bộ luật dân sự về đăng ký giao dịch bảo đảm được đăng ký theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật và tại Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi năm 2012 quy định các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm đối với giấy tờ có giá và tại khoản 9 Điều 3 nghị định này quy định giấy tờ có giá gồm cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu tuy nhiên trong hợp đồng 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 đánh dấu ô thế chấp/cầm cố 100.000 cổ phiếu ĐAB và các bên đều xác nhận không có ký thêm hợp đồng giao dịch bảo đảm nào đối với 100.000 cổ phần này cũng như không có thỏa thuận nào khác. Điều này không trái với quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch đảm bảo vì vậy không có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận đây là hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ có tài sản đảm bảo.

Xét đại diện bị đơn yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là 100.000 cổ phiếu của bị đơn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ để trả nợ cho nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy : Qua các bản tự khai của đại diện nguyên đơn cũng như tại

phiên tòa hôm nay nguyên đơn không yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm trên để trả nợ cho nguyên đơn. Căn cứ khoản 5 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì : “ Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng”. Việc Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á đánh dấu vào ô thế chấp/ cầm cố 100.000 cổ phiếu tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng và qua đó cấp tín dụng cho bị đơn vay thấu chi số tiền 800.000.000 đồng chỉ là để phân biệt với loại hợp đồng khác là không đúng quy định của pháp luật. Do đó khoản vay thấu chi của bị đơn theo hợp đồng tín dụng là khoản vay không có tài sản đảm bảo. Mặt khác đây là quyền của nguyên đơn khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ nhưng nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ gốc:

Căn cứ vào hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với ông Thiệu Quang T cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện không trái với các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005

Theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: “ Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng” và tại khoản 1 Điều 474 Luật dân sự năm 2005 quy định “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Trong quá trình sử dụng tiền vay bị đơn đã không thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn nên ngày 26/9/2014, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/4/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn 800.000.000 đồng tiền nợ gốc chưa thanh toán . Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi :

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 quy định “... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày đề vay số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 1.35%, lãi suất quá hạn 1.5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 26/9/2013 đến 26/9/2014, mục đích vay tiêu dùng.

Căn cứ Điều 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi theo hợp đồng là phù hợp. Mức lãi suất là 1.35%/tháng tương đương với 16,20%/năm và lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp với khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên đã được ký kết là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn là : 112.399.120 đồng và lãi quá

hạn là 902.340.000 đồng tạm tính đến ngày 25/4/2019 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tạm tính đến ngày 25/4/2019 tổng số tiền gốc và lãi là 1.814.739120 đồng và ông T tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 26/4/2019 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 mà các bên đã ký kết.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 28.296.287 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0029508 ngày 25/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp .

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 1.814.739120 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí là 66.442.217 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 và khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 465; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Áp dụng Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 3; Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi năm 2012 về đăng ký giao dịch bảo đảm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Thiều Quang T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 1.814.739120 đồng (*Một tỷ tám trăm mười bốn triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn một trăm hai mươi*) đồng tạm tính đến ngày 25/4/2019, bao gồm

nợ gốc là 800.000.000 (*Tám trăm triệu*) đồng, lãi trong hạn là : 112.399.120 (*Một trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi chín ngàn một trăm hai mươi*) đồng và lãi quá hạn là 902.340.000 (*Chín trăm lẻ hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn*) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông T còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận được quy định trong hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với ông Thiều Quang T.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Thiều Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 66.442.217 (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm mười bảy*) đồng.

- Hoàn lại 28.296.287 (*Hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi bảy*) đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0029508 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ ĐÓNG DẤU VÀ KÝ TÊN